Ngôn ngữ HTML trong lập trình Web

Huỳnh Ngọc Đồng

Khoa Công nghệ thông tin

Các thẻ trong thẻ nội dung(body)

<Body

Background=url (Hình nền)

Bgcolor=color (Màu nền)

Leftmargin=n px (Lề trái trang web)

Topmargin=n px (Lề trên)

Rightmargin= n px (Lề phải)

Text=color (Màu chữ)

Link=color (Màu các hyperlink)

Vlink=color> (Màu các hyperlink đã được duyệt)

Màu sắc	Giá trị	Tên tiếng Anh
Đỏ	#FF0000	RED
Đỏ sẫm	#8B0000	DARKRED
Xanh lá cây	#00FF00	GREEN
Xanh nhạt	#90EE90	LIGHTGREEN
Xanh nước biển	#0000FF	BLUE
Vàng	#FFFF00	YELLOW
Vàng nhạt	#FFFFE0	LIGHTYELLOW
Trắng	#FFFFFF	WHITE
Đen	#000000	BLACK
Xám	#808080	GRAY
Nâu	#A52A2A	BROWN
Tím	#FF00FF	MAGENTA
Tím nhạt	#EE82EE	VIOLET
Hồng	#FFC0CB	PINK
Da cam	#FFA500	ORANGE
Màu đồng phục hải quân	#000080	NAVY
	#4169E1	ROYALBLUE
	#7FFFD4	AQUAMARINE

Thẻ định dạng

1. Thẻ P: Định dạng một đoạn văn bản
2. Thẻ h1/h2/h3/h4/h5/h6: Đề mục
3. Thẻ BR: Thẻ xuống dòng(ko có thể KT)
4. Thẻ định dạng danh sách:

Danh sách thông thường:

<UL>

<LI> Mục thứ nhất

<LI> Mục thứ hai

</UL>

Thẻ định dạng

5. Danh sách có thứ tự:

<OL TYPE=1/a/A/i/I>

<LI> Mục thứ nhất

<LI> Mục thứ hai

</OL>

Ngài ra còn có các ký hiệu: disc(chấm tròn đậm, circle(vòng tròn), square(hình vuông)

Thẻ định dạng

6. Danh sách định nghĩa:

<DL>

<DT> Mục cần định nghĩa

<DD> Mục định nghĩa

</DL>

Thẻ định dạng

7. Thẻ định dạng ký tự:

<B>…..</B>: In chữ đậm

<Strong>….</Strong> In đậm

<I>….</I>: In nghiêng

<EM>…</EM> : In nghiêng

<U>…</U> : Gạch chân

<S>…</S>” Chữ gạch ngang

[…]: Chỉ số trên

_…: Chỉ số dưới

Thẻ định dạng

7. Thẻ định dạng ký tự:

<FONT

FACE= Font_name

Color=Color

Size=n>

….</Font>

Thẻ định dạng

8. Thẻ canh lề văn bản trang web:

ALIGN:

LEFT= Canh trái

Right=Canh phải

Center=Canh giữa

Ví dụ: <p align="center">

Ngoài ra có thể dùng thẻ "Center" để canh giữa đoạn văn

Ví dụ: Đoạn văn

Thẻ định dạng

8. Tạo chữ chạy:

```
<marquee  width="500px" height="200px" direction="down"
    Chữ chạy </marquee>
<MARQUEE BEHAVIOR="SLide">Cách chạy</MARQUEE>

<MARQUEE BEHAVIOR="Scroll">Cách chạy</MARQUEE>

<MARQUEE SCROLLDELAY=200>thời gian trễ 1/1000
    giay</MARQUEE>

<MARQUEE SCROLLAMOUNT=30>Bước nhảy</MARQUEE>

<MARQUEE BGCOLOR=ORANGE>Màu nền</MARQUEE>
```

Thẻ định dạng

9. Thẻ đường thẳng nằm ngang:

<HR

Align=Center|left|right : Canh lề

Color=color : Màu

Noshade : Không có bóng

Size=n : Độ đậm

Width=m : Độ rộng

>

Thẻ định dạng

10.Văn bản siêu liên kết:

< a

Href=url : Địa chỉ trang web liên kết

Name=name : Đặt tên cho vị trí đặt thẻ

Tabindex=n : Thứ tự di chuyển khi nhấn Tab

Title=title :Hiển thị khi trỏ chuột lên liên kết

Taget=_blank|_self > :Cách mở trang web

…..Siêu văn bản

Thẻ định dạng

11.Kết nối đến email:

<address>

Nội dung 1

 Nội dung hiển thị

Nội dung 2

</address>

Thẻ định dạng

12.Chèn âm thanh:

Được đặt sau thẻ </head> và trước thẻ <Body>

<Bgsound

SRC=url

Loop=n (=-1 lặp lại vô hạn, =infinite lặp đến khi đóng trang web)

>

Thẻ định dạng

13.Chèn hình ảnh:

<IMG

Align=left|right|center|top|Middle|Bottom

ALT=text

SRC=url

Border=n

Height=n

Width=n

Hspace=n

Vspace=n : Khoảng cách từ ảnh đến văn bản

>

Thẻ định dạng

14.Tạo bảng biểu:

<TABLE> ... </TABLE>	Định nghĩa một bảng
<TR> ... </TR>	Định nghĩa một hàng trong bảng
<TD> ... </TD>	Định nghĩa một ô trong hàng
<TH> ... </TH>	Định nghĩa ô chứa tiêu đề của cột
<CAPTION> ... </CAPTION>	Tiêu đề của bảng

Thẻ định dạng

14. Tạo bảng biểu:

<**TABLE**

ALIGN = LEFT / CENTER / RIGHT

BORDER = n

BORDERCOLOR = color

BORDERCOLORDARK = color :Màu phis tối và sáng cho đường

BORDERCOLORLIGHT= color kẻ nổi

BACKGROUND = url

BGCOLOR = color

CELLSPACING = spacing :Khoảng cách các ô

CELLPADDING = pading : Khoảng cách giữa nội dung và đường lẻ trong mổi ô

>

Thẻ định dạng

15.Định nghĩa các dòng:

<**TR**

ALIGN = LEFT/CENTER/RIGHT

VALIGN = TOP/MIDDLE/BOTTOM>

Thẻ định dạng

16. Định nghĩa các ô của dòng:

<TD
ALIGN = LEFT / CENTER / RIGHT
VALIGN = TOP / MIDDLE / BOTTOM
BORDERCOLOR = color
BORDERCOLORDARK = color
BORDERCOLORLIGHT = color
BACKBROUND = url
BGCOLOR = color
COLSPAN = n : Ô trải rộng trên n cột
ROWSPAN = n: Ô kéo dài trên n dòng
>
... Nội dung của ô
</TD>

Thẻ định dạng

17. Form:

```
<FORM
    ACTION      = ulr
    METHOD      = GET | POST
    NAME   = name
    TARGET      = frame_name  |  _blank  |  _self
    >
    <!– Các phần tử của Form đặt ở đây -->
    <INPUT ...>
    <INPUT ...>
</FORM>
```

Thẻ định dạng

18.Thẻ Input:

<**INPUT**

ALIGN = LEFT | CENTER | RIGHT

TYPE = BUTTON | CHECKBOX | FILE | IMAGE | PASSWORD | RADIO | RESET | SUBMIT | TEXT

VALUE = value

>

Thẻ định dạng

19.Thẻ danh sách lựa chọn:

<**SELECT NAME**=“Tên dach sách" **SIZE**=“Chiều cao">

<**OPTION**> Tên mục chọn thứ nhất

<**OPTION** > Tên mục chọn thứ 2

<!– Dach sách các mục chọn -->

</**SELECT**>

Thẻ định dạng

20.Tạo hộp soạn thảo văn bản:

<**TEXTAREA**

COLS=*Số cột*

ROWS=*Số hàng*

NAME=*Tên*

>

Văn bản ban đầu

</**TEXTAREA**>

Chương 7. Frame

7.1. Giới thiệu frame

Frame mở rộng khả năng hiển thị trang web bằng cách cho phép chia miền hiển thị thành nhiều vùng. Mỗi vùng như vậy được gọi là frame và có những đặc điểm sau:

- Nó có thể truy cập tới một URL một cách độc lập với các frame khác.
- Mỗi frame có thể đặt tên, dùng làm đích trong liên kết.
- Nó có thể tự thay đổi kích thước khung nhìn, hoặc có thể không thay đổi đối với người sử dụng.

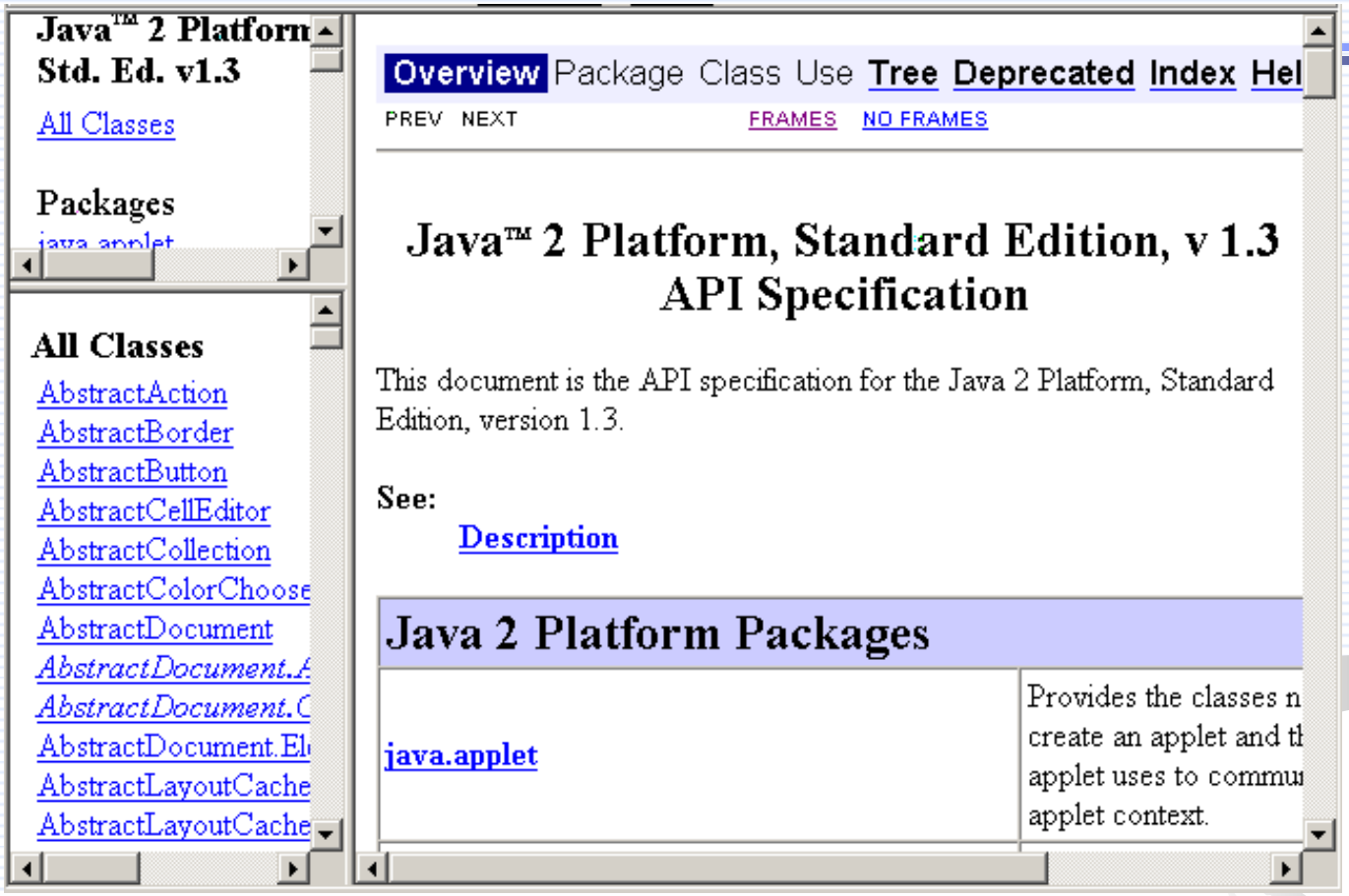
Java™ 2 Platform
Std. Ed. v1.3
All Classes
Packages
java.applet
All Classes
AbstractAction
AbstractBorder
AbstractButton
AbstractCellEditor
AbstractCollection
AbstractColorChoose
AbstractDocument
AbstractDocument.A
AbstractDocument.C
AbstractDocument.El
AbstractLayoutCache
AbstractLayoutCache
Overview Package Class Use Tree Deprecated Index Hel
PREV NEXT
FRAMES NO FRAMES
Java™ 2 Platform, Standard Edition, v 1.3
API Specification
This document is the API specification for the Java 2 Platform, Standard Edition, version 1.3.
See:
Description
Java 2 Platform Packages
java.applet
Provides the classes n
create an applet and th
applet uses to commu
applet context.

* Cú pháp Frame

- Cấu trúc cơ bản:

```
<HTML>
<HEAD>
</HEAD>
        <FRAMESET>
                <frame ...>
        </FRAMESET>
</HTML>
```

7.2. Thẻ Frameset

<Frameset rows = "n_1, n_2, ... "
cols = "m_1, m_2, ..."
border = "N"
framespacing = "N"
bordercolor = #xxyyzz
frameborder = "yes/no">

- rows: chỉ chia hàng, tuỳ theo tham số.
- cols: chỉ chia cột, tuỳ theo tham số.
- border: độ dày đường viền.
- framespacing: khoảng cách các frame.

- n_1, n_2, m_1, m_2, ...: là giá trị thuộc tính được tính bằng điểm hoặc phần trăm tương đối. Và có thể là dấu '*', frame tương ứng sẽ tự động điều chỉnh.

- N: là độ dày tương ứng với các thuộc tính.

- frameborder: thiết lập đường viền cho toàn bộ tập frame, có giá trị yes hoặc no.

– Ví dụ:

<frameset rows = "30%, *"> chia thành 2 hàng, hàng thứ nhất chiếm 30% màn hình, còn lại là hàng thứ 2.

<frameset cols = "*, 100, *"> chia 3 cột, cột thứ 2 có độ rộng 100 điểm, các cột còn lại sẽ tự động phân chia.

<frameset rows = "30%, *" border=0 framespacing = 5 frameborder = 0>: đặt đường viền, khoảng cách, ...

7.3. Thẻ frame

- Cú pháp:

```
<frame  src="URL"
        name="tên cửa sổ"
        with = "N"
        height = "M"
        scrolling = "yes/no/auto"
        frameborder = "yes/no"
        framespacing = "N"
        bordercolor = #xxyyzz
        noresize >
```

- noresize: nếu có thuộc tính này thì người sử dụng không thể thay đổi kích thước hiển thị frame.
- name: gán một tên cho một frame, nó có thể làm đích cho các liên kết từ các tài liệu khác.
- with: chiều rộng frame.
- height: chiều cao frame.
- scrolling: đặt thuộc tính thanh cuốn.

Ví dụ: tạo trang web có 4 frame như sau:

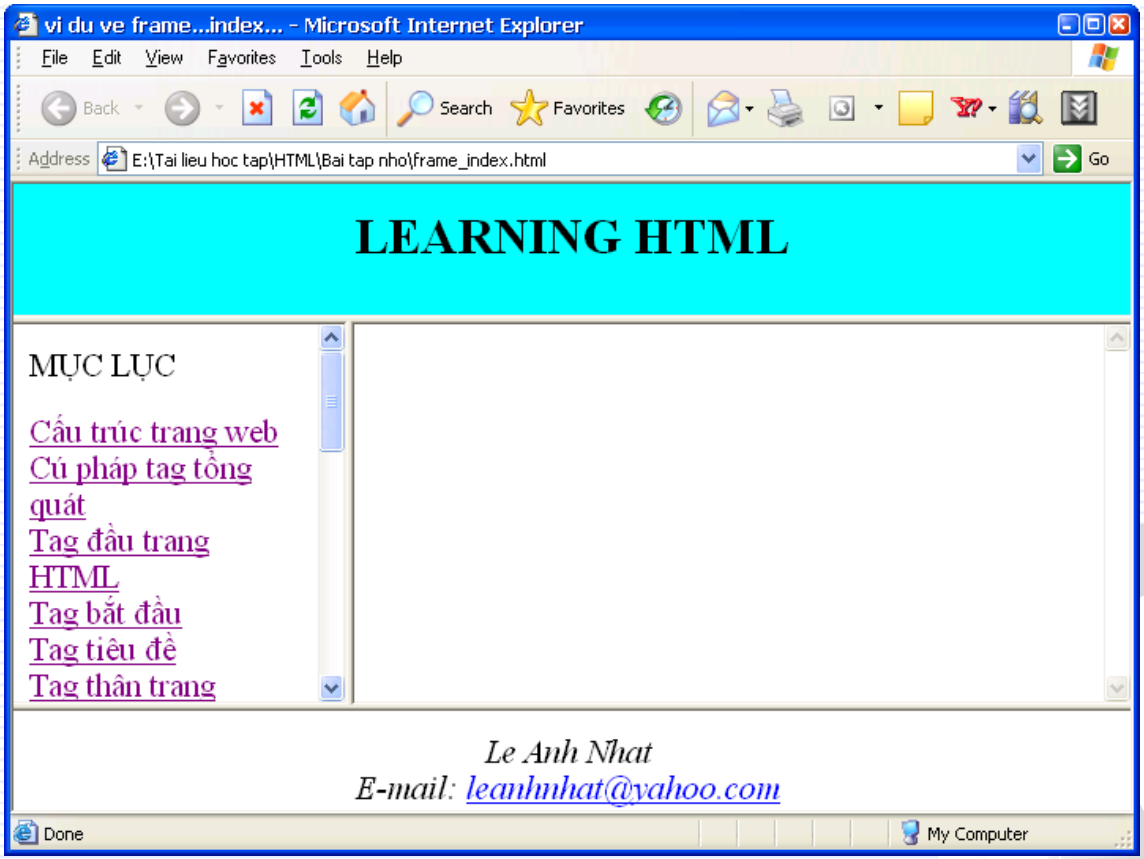

Tệp "frame_index.html"

```
<html>
<head> <title>vi du ve frame...index...</title> </head>
<frameset rows="85,*,65">
        <frame scrolling="no" name="frame_title" noresize="yes"
src="frame_title.html">
        <frameset cols="30%,70%">
          <frame scrolling="yes" name="frame_content"
src="frame_content.html">
          <frame scrolling="yes" name="frame_Main"
src="frame_Main.html">
        </frameset>
        <frame scrolling="no" name="frame_AboutMe"
noresize="yes" src="frame_AboutMe.html">
        <noframe>Xin lỗi, trình duyệt không trợ giúp
frame</noframe>
</frameset> </html>
```

Tệp "frame_content.html"

```
<html>
<head>
<!-- khai báo hiển thị liên kết đến frame_Mail.html ở cửa sổ bên
phải -->
<base target="frame_Main">
<title>vi du ve frame...content...</title>
</head>
<body>
   MỤC LỤC
   <p><a
href="Frame_html.html#C&#7845;u_trúc_trang_web">Cấu
trúc trang web
   </a>
</body>
</html>
```

7.4. Thực hành tự do

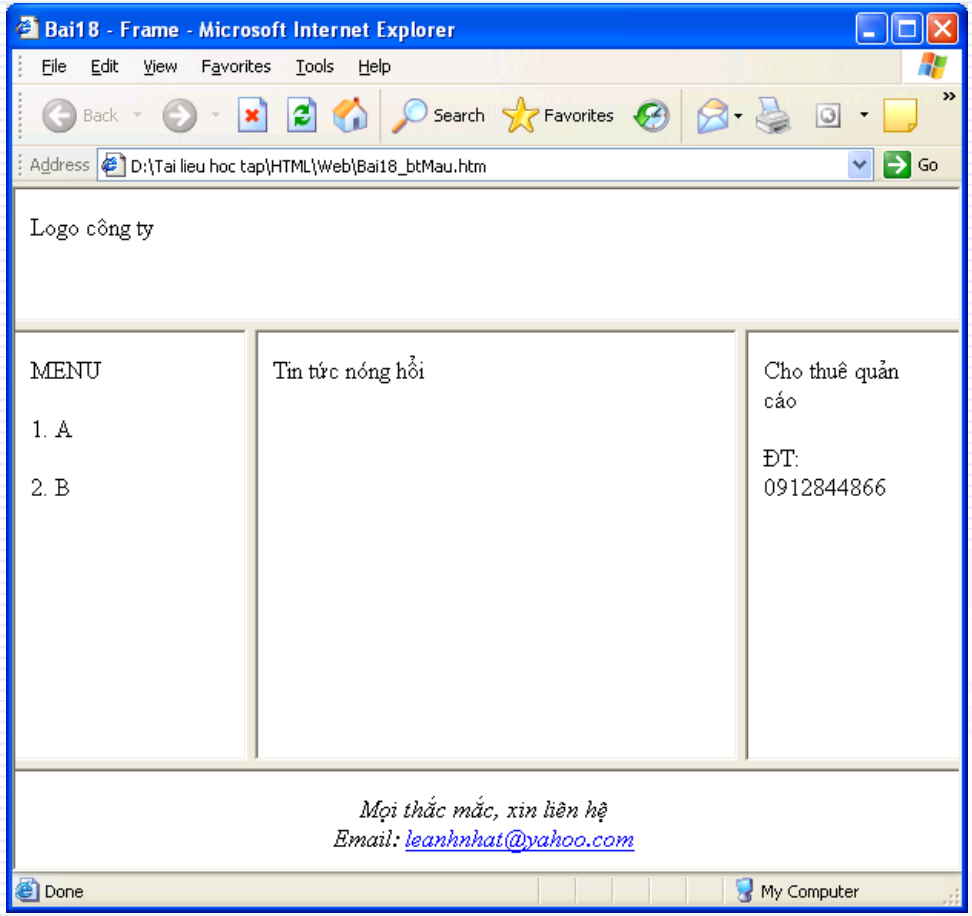

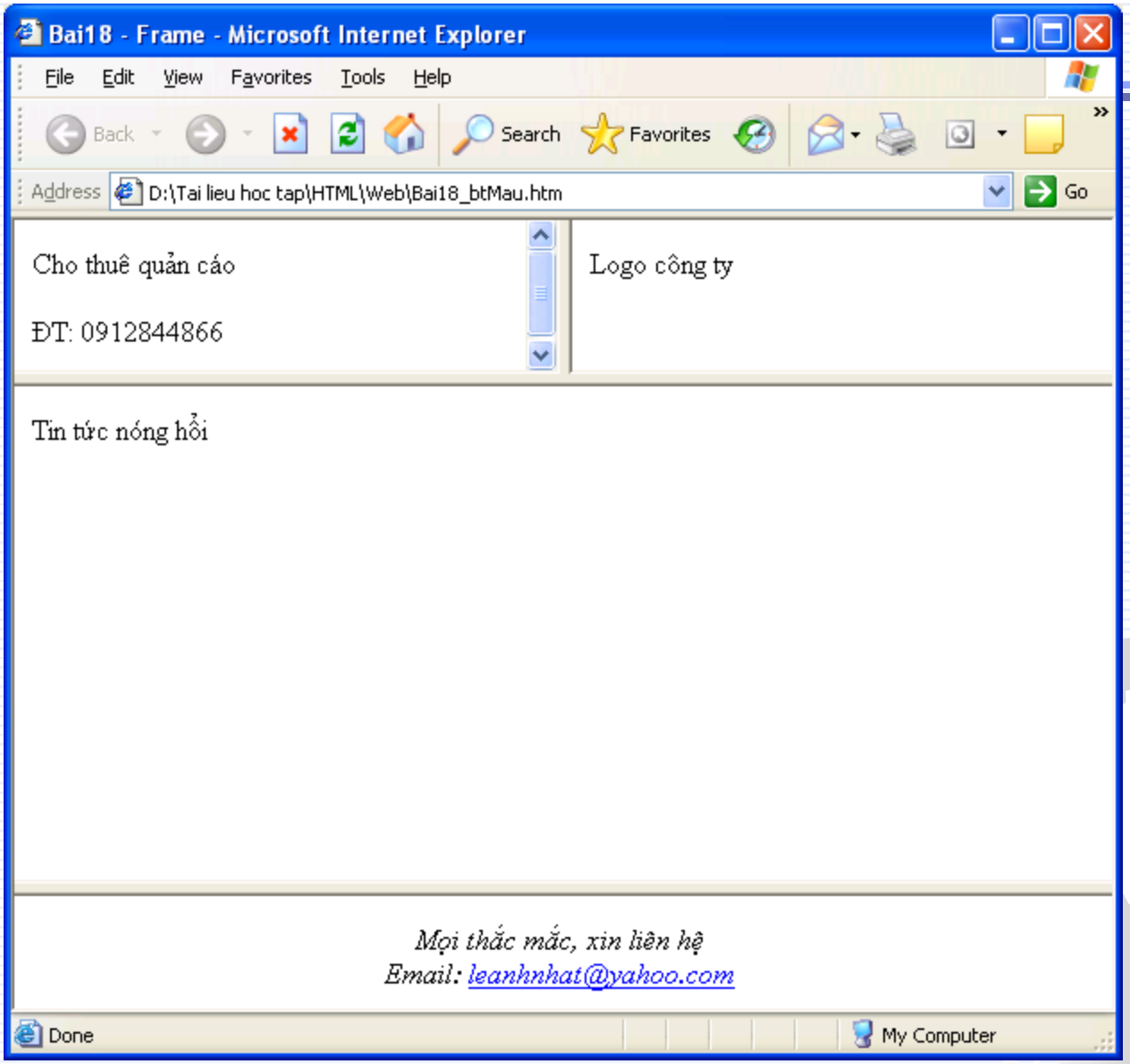
Bai18 - Frame - Microsoft Internet Explorer
File Edit View Favorites Tools Help
Back Search Favorites
Address D:\Tai lieu hoc tap\HTML\Web\Bai18_btMau.htm
Go
Cho thuê quản cáo
ĐT: 0912844866
Logo công ty
Tin tức nóng hổi
Mọi thắc mắc, xin liên hệ
Email: leanhnhat@yahoo.com
Done
My Computer